

CHỦ TỊCH NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch nước số 40-L/CTN ngày 12-6-1995 công bố Pháp lệnh về Hàm, cấp ngoại giao và Pháp lệnh Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội,

NAY CÔNG BỐ:

1. **Pháp lệnh về Hàm, cấp ngoại giao** đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 31 tháng 5 năm 1995.

2. **Pháp lệnh Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)** đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 31 tháng 5 năm 1995.

Chủ tịch

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

LÊ ĐỨC ANH

PHÁP LỆNH về Hàm, cấp ngoại giao.

Để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, từng bước thực hiện chính quy hóa ngành Ngoại giao, tiêu chuẩn hóa đội ngũ công chức ngành Ngoại giao Việt Nam và phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế;

Căn cứ vào các Điều 84, 91 và 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992,

Căn cứ vào Nghị quyết Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 6 về công tác xây dựng pháp luật năm 1995;

Pháp lệnh này quy định về hàm, cấp ngoại giao Việt Nam,

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Hàm ngoại giao là chức danh Nhà nước phong cho công chức ngành Ngoại giao để phục vụ công tác đối ngoại ở trong nước và ở nước ngoài.

Điều 2.- Công chức đang công tác trong ngành Ngoại giao có đủ các tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ ngoại giao và năng lực hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại thì được xét phong hàm ngoại giao và được xếp vào một cấp ngoại giao theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 3.- Người mang hàm ngoại giao phải không ngừng rèn luyện và học tập nhằm nâng cao trình độ và năng lực về mọi mặt, tích cực góp phần vào việc xây dựng và phát triển nền ngoại giao Việt Nam, giữ gìn phẩm chất và danh dự của công chức ngành Ngoại giao Việt Nam, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 4.- Trong Pháp lệnh này ngành Ngoại giao bao gồm những cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Ngoại giao.

Chương II

HÀM, CẤP NGOẠI GIAO, MỐI QUAN HỆ GIỮA HÀM NGOẠI GIAO VÀ CHỨC VỤ NGOẠI GIAO

Điều 5.- Hệ thống hàm, cấp ngoại giao Việt Nam được quy định như sau:

Cấp ngoại giao cao cấp gồm có:

- Hàm Đại sứ;
- Hàm Công sứ;
- Hàm Tham tán.

Cấp ngoại giao trung cấp gồm có:

- Hàm Bí thư thứ nhất;

- Hàm Bí thư thứ hai.

Cấp ngoại giao sơ cấp gồm có:

- Hàm Bí thư thứ ba;
- Hàm Tùy viên.

Điều 6.- Người mang hàm ngoại giao nào được giữ hàm ngoại giao đó khi được cử đi công tác ở nước ngoài với cương vị ngoại giao hoặc cương vị lãnh sự.

Điều 7.- Người mang hàm ngoại giao khi được điều động sang công tác tại cơ quan, tổ chức khác hoặc nghỉ hưu thì được giữ nguyên hàm, cấp ngoại giao mang khi đó như một vinh dự của ngành Ngoại giao.

Điều 8.-

1. Công chức thuộc cơ quan, tổ chức khác được điều động sang công tác tại ngành Ngoại giao, nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Pháp lệnh này thì được xét phong hàm ngoại giao.

2. Người mang hàm ngoại giao đã được điều động sang cơ quan, tổ chức khác, khi được điều động trở lại ngành Ngoại giao được xét phong hàm ngoại giao phù hợp với trình độ hiện có.

Điều 9.-

1. Chức vụ ngoại giao là chức vụ bổ nhiệm cho thành viên có cương vị ngoại giao công tác tại Cơ quan Đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài hoặc Phái đoàn đại diện thường trực Việt Nam tại Tổ chức quốc tế liên Chính phủ.

2. Chức vụ ngoại giao Việt Nam gồm có:

- Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Công sứ đặc mệnh toàn quyền, Đại biện, Trưởng đoàn đại diện thường trực tại Tổ chức quốc tế liên Chính phủ;

- Công sứ;
- Tham tán Công sứ;
- Tham tán;
- Bí thư thứ nhất;
- Bí thư thứ hai;
- Bí thư thứ ba;
- Tùy viên.

Điều 10.-

1. Người mang hàm ngoại giao được cử đi công tác tại Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, được bổ nhiệm giữ một chức vụ ngoại giao hoặc chức vụ lãnh sự tương ứng với hàm ngoại giao của người đó. Trong trường hợp do nhu cầu công tác, người mang hàm ngoại giao có thể được bổ nhiệm giữ

một chức vụ ngoại giao hoặc chức vụ lãnh sự cao hơn hoặc thấp hơn so với hàm ngoại giao của người đó.

2. Người mang hàm ngoại giao có hàm từ Tham tán trở lên có thể được cử giữ chức vụ người đứng đầu Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; khi hết thời hạn công tác về nước thì giữ hàm ngoại giao đã được phong trước đó.

Điều 11.- Trong giao tiếp đối ngoại, người mang hàm ngoại giao được xếp thứ bậc theo chức vụ ngoại giao hoặc chức vụ lãnh sự. Những người mang hàm ngoại giao có cùng chức vụ ngoại giao hoặc chức vụ lãnh sự thì người có hàm ngoại giao cao hơn hoặc nếu mang cùng hàm thì người mang hàm lâu hơn được xếp thứ bậc cao hơn.

Điều 12.- Công chức thuộc cơ quan, tổ chức khác được cử đi công tác tại Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và căn cứ vào nhu cầu công tác, thì được xét bổ nhiệm giữ một chức vụ ngoại giao hoặc chức vụ lãnh sự để thực hiện công tác của Cơ quan Đại diện.

Chương III

TIÊU CHUẨN CÁC HÀM NGOẠI GIAO, PHONG HÀM, THĂNG HÀM, HẠ HÀM VÀ TƯỚC HÀM NGOẠI GIAO

Điều 13.- Công chức ngành Ngoại giao có đủ các tiêu chuẩn: trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; nắm vững và có khả năng thực hiện đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đối nội và đối ngoại; có trình độ văn hóa đại học, trình độ chính trị cao cấp; được đào tạo chính quy về nghiệp vụ ngoại giao, biết sử dụng thông thạo ít nhất một ngoại ngữ; có thời gian công tác trong ngành Ngoại giao từ 10 năm trở lên, tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác đối ngoại; là Bộ trưởng, Thứ trưởng hoặc tương đương, Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng hoặc tương đương, chuyên viên cao cấp hoặc đã là người đứng đầu Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có những đóng góp xứng đáng vào các hoạt động ngoại giao của Việt Nam, thì được xét phong hàm Đại sứ.

Điều 14.- Công chức ngành Ngoại giao có đủ các tiêu chuẩn: trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có phẩm chất chính trị,

đạo đức tốt; có khả năng thực hiện đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đối nội và đối ngoại; có trình độ văn hóa đại học, trình độ chính trị từ trung cấp trở lên; được đào tạo về nghiệp vụ ngoại giao, biết sử dụng ít nhất một ngoại ngữ; có thời gian công tác trong ngành Ngoại giao từ 8 năm trở lên, tích lũy được kinh nghiệm trong công tác đối ngoại; là Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng hoặc tương đương, chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính hoặc chuyên viên thì được xét phong từ hàm Tham tán đến hàm Công sứ.

Điều 15.-

1. Công chức ngành Ngoại giao có đủ các tiêu chuẩn: trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có khả năng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về đối nội và đối ngoại; có trình độ văn hóa đại học, trình độ chính trị trung cấp; được đào tạo về nghiệp vụ ngoại giao; biết sử dụng một ngoại ngữ; có thời gian công tác trong ngành Ngoại giao từ 5 năm trở lên, có hiểu biết về nghiệp vụ chuyên ngành, là chuyên viên chính hoặc chuyên viên thì được xét phong từ hàm Bí thư thứ hai đến hàm Bí thư thứ nhất.

2. Công chức ngành Ngoại giao có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này, có thời gian công tác trong ngành Ngoại giao từ 3 năm trở lên, là chuyên viên thì được xét phong từ hàm Tùy viên đến hàm Bí thư thứ ba.

Điều 16.- Việc phong, thăng, hạ và tước hàm, cấp ngoại giao thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước.

Điều 17.- Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng Tư vấn về hàm, cấp ngoại giao; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và quy chế làm việc của Hội đồng này.

Điều 18.-

1. Việc thăng hàm, cấp ngoại giao được tiến hành khi có nhu cầu của công tác đối ngoại và căn cứ vào các tiêu chuẩn được quy định tại các Điều 13, 14 và 15 của Pháp lệnh này.

2. Người mang hàm ngoại giao hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và theo nhu cầu cần thiết của công tác đối ngoại, có thể được xét thăng vượt hàm ngoại giao.

Điều 19.- Công chức ngành Ngoại giao bị thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên không được xét phong hoặc thăng hàm, cấp ngoại giao trong thời gian quyết định thi hành kỷ luật còn hiệu lực.

Điều 20.- Người mang hàm ngoại giao bị thi hành kỷ luật thi tùy theo hình thức kỷ luật có thể bị hạ hàm, cấp ngoại giao; nếu bị buộc thôi việc hoặc phạm tội, bị tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì bị tước hàm, cấp ngoại giao.

Chương IV

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI MANG HÀM NGOẠI GIAO

Điều 21.- Người mang hàm ngoại giao có nghĩa vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, nhân dân và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

2. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy chế và các quy định của ngành Ngoại giao;

3. Bảo vệ lợi ích quốc gia, bí mật Nhà nước và danh dự của dân tộc;

4. Thường xuyên rèn luyện, học tập nâng cao trình độ và năng lực chính trị, nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ, giữ gìn tư cách công chức ngành Ngoại giao Việt Nam;

5. Hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Điều 22.- Người mang hàm ngoại giao đang công tác được hưởng mọi quyền lợi của công chức Nhà nước. Việc phong, thăng hàm, cấp ngoại giao là một cơ sở để bố trí công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đề bạt chức vụ và xếp lương cho công chức phù hợp với quy định chung về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Điều 23.- Người mang hàm ngoại giao được quyền sử dụng hàm ngoại giao trong công tác đối ngoại, nhưng không được sử dụng vào mục đích khác trái với quy định của pháp luật.

Điều 24.- Người mang hàm ngoại giao được pháp luật bảo vệ và được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giúp đỡ khi thi hành công vụ.

Điều 25.- Người mang hàm ngoại giao được cấp giấy chứng nhận về hàm, cấp ngoại giao. Mẫu giấy chứng nhận và thủ tục cấp giấy chứng nhận về hàm, cấp ngoại giao do Chính phủ quy định.

Điều 26.- Người nào vi phạm các quy định của Pháp lệnh này và các văn bản pháp luật khác có liên quan, thì tùy mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27.- Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 28.- Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

PHÁP LỆNH Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

HIV/AIDS là đại dịch nguy hiểm của thế kỷ, là mối hiểm họa đối với sức khỏe, tính mạng của con người và tương lai nòi giống của các dân tộc, tác động nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia;

Để ngăn ngừa và phòng, chống nhiễm HIV/AIDS, bảo vệ sức khỏe nhân dân và bảo tồn nòi giống;

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân;

Căn cứ vào Nghị quyết Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 6 về công tác xây dựng pháp luật năm 1995;

Pháp lệnh này quy định về phòng, chống nhiễm HIV/AIDS.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Phòng, chống nhiễm HIV/AIDS là trách nhiệm của mỗi người, của mỗi gia đình và của toàn xã hội.

Nhà nước có chính sách và biện pháp kịp thời để bảo đảm việc phòng, chống nhiễm HIV/AIDS có hiệu quả.

Điều 2.- Trong Pháp lệnh này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. HIV là loại virút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người. HIV có thể lây truyền qua quan hệ tình dục, qua đường máu hoặc truyền từ mẹ sang con trong thời kỳ mang thai, sinh đẻ và cho con bú.

2. AIDS là giai đoạn cuối của quá trình nhiễm HIV gây tổn thương hệ thống miễn dịch làm cho cơ thể không còn khả năng chống lại các tác nhân gây bệnh và dẫn đến chết người.

3. Nhiễm trùng cơ hội là những nhiễm trùng xảy ra nhân cơ hội cơ thể bị suy giảm miễn dịch do bị nhiễm HIV.

Điều 3.- Cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân, tổ chức và cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thực hiện việc phòng, chống nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật.

Điều 4.- Người bị nhiễm HIV/AIDS không bị phân biệt đối xử nhưng phải thực hiện các biện pháp phòng, chống lây truyền bệnh để bảo vệ sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 5.- Chính phủ thống nhất quản lý công tác phòng, chống nhiễm HIV/AIDS.

Các cơ quan Nhà nước phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân phòng, chống nhiễm HIV/AIDS.

Điều 6.- Nhà nước Việt Nam có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, giúp đỡ dưới mọi hình thức trong công tác phòng, chống nhiễm HIV/AIDS.

Chương II

NHỮNG BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG NHIỄM HIV/AIDS

Điều 7.- Thông tin, giáo dục, truyền thông là biện pháp chủ yếu để mọi người hiểu và thực hiện các biện pháp phòng tránh lây truyền HIV/AIDS.